☐ Mizuho Bank, Ltd. - Hanoi Branch ("Remitting Bank")
63 Ly Thai To, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam
Tel: 84-24-39363123/4 Fax: 84-24-38266665 Swift Code: MHCBVNVX

☐ Mizuho Bank, Ltd. - Ho Chi Minh City Branch ("Remitting Bank")
18th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 84-28-38278260/92 Fax: 84-28-3821 9160 Swift Code: MHCBVNVXHCM

REF (*Số tham chiếu*):
OTT-

APPLICATION FOR
MX STRUCTURED LOAN REMITTANCE
(LỆNH CHUYỂN TIỀN VAY THEO CẤU TRÚC)

CURRENCY * *(Loại tiền)*		**AMOUNT OF REMITTANCE/** *Số tiền chuyển đi *:*	**OR EQUIVALENT TO/** *Hoặc tương đương với:*
CCY & AMT IN WORDS * *(Loại tiền và số tiền bằng chữ)*			
PRINCIPAL ACC NUMBER * *(Số TK ghi nợ số tiền chuyển)*	☐ **ACCOUNT NUMBER/*Số TK:*** (Account currency must be the **same as advance currency**/*Loại tiền của TK phải là loại tiền giải ngân*) And/*Và* ☐ ACCOUNT NUMBER/*Số TK:* (In case Advance amount is smaller than remittance amount/*Trong TH số tiền giải ngân ít hơn số tiền thanh toán)* And/*Và* ☐ CUSTODIAN ACCOUNT/*TK giữ hộ* ☐ OTHERS/*Khác:*		
FX CONTRACT FOR REMITTANCE AMOUNT (If any) *(Hợp đồng mua bán ngoại tệ cho số tiền chuyển (nếu có))*			
END TO END IDENTIFICATION *(Mã đầu cuối)* *(Alphanumeric 35)*		**CATEGORY PURPOSE CODE** *(Mã mục đích)* *(Alphanumeric 4)*	

CREDITOR ACC NO./ IBAN * *(Số TK/IBAN người thụ hưởng)* *(Alphanumeric 34)*		
CREDITOR NAME * *(Tên người thụ hưởng)* *(Alphanumeric 140)*		
CREDITOR ADDRESS * *(Địa chỉ người thụ hưởng)*	***Please input either (1) or (2)*** */ Vui lòng chỉ nhập (1) hoặc (2)*	
☐ **(1) STRUCTURED ADDRESS** *(Đ/c theo cấu trúc)*	**Country/***Quốc gia *:* *(Alphanumeric 35)*	Department/*Phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)* Sub Department/*Đơn vị trực thuộc phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)*
	Street Name/*Tên phố:* *(Alphanumeric 70)*	
	Buiding No/*Số tòa nhà:* *(Alphanumeric 16)*	Building Name/*Tên tòa nhà:* *(Alphanumeric 35)*
	Floor/*Số tầng:* *Alphanumeric 70)*	Post Box/*Mã hòm thư:* *(Alphanumeric 16)*
	Room/*Số phòng :* *(Alphanumeric 70)*	Post Code/*Mã bưu chính:* *(Alphanumeric 16)*
	Town Name/*Phường, xã, thị trấn*:* *(Alphanumeric 35)*	Town Location Name/*Thôn, xóm:* *(Alphanumeric 35)*
	District Name/*Quận,huyện, thị xã:* *(Alphanumeric 35)*	Country Sub Division/*Tỉnh,TP trực thuộc T.Ư:* *(Alphanumeric 35)*
	Any BIC/*Mã BIC:* *(Alphanumeric 11)*	LEI/*Mã LEI:* *(Alphanumeric 20)*
	Country of residence (If applicable)/*Tên quốc gia thường trú (nếu có):* *(Alphanumeric 35)*	
☐ **(2) ADDRESS LINE** *(Đ/c không theo cấu trúc)*	**Country/***Quốc gia *:* *(Alphanumeric 35)*	**Town Name/***Phường, xã, thị trấn*:* *(Alphanumeric 35)*
	Other address information/*Các thông tin khác về địa chỉ:* *(Alphanumeric 105)*	

Note: * is mandatory to input/ *Lưu ý: * là trường thông tin bắt buộc*

LO02520250701

CREDITOR AGENT * *(NH của người thụ hưởng)*	***Please input either (1) or (2)*** */ Vui lòng chỉ nhập (1) hoặc (2)*				
☐ **(1) SWIFT CODE** *(Mã SWIFT)* *(Alphanumeric 11)*					
☐ **(2) NAME & STRUCTURED ADDRESS** *(Tên và địa chỉ theo cấu trúc)*	**Creditor agent name/***Tên NH thụ hưởng *:* *(Alphanumeric 140)*				
	Country/*Quốc gia *:* *(Alphanumeric 35)*		Department/*Phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)*		
			Sub Department/*Đơn vị trực thuộc phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)*		
	Street Name/*Tên phố:* *(Alphanumeric 70)*				
	Buiding No/*Số tòa nhà:* *(Alphanumeric 16)*		Building Name/*Tên tòa nhà:* *(Alphanumeric 35)*		
	Floor/*Số tầng:* *(Alphanumeric 70)*		Post Box/*Mã hòm thư:* *(Alphanumeric 16)*		
	Room/*Số phòng :* *(Alphanumeric 70)*		Post Code/*Mã bưu chính:* *(Alphanumeric 16)*		
	Town Name/*Phường, xã, thị trấn*:* *(Alphanumeric 35)*		Town Location Name/*Thôn, xóm:* *(Alphanumeric 35)*		
	District Name/*Quận,huyện, thị xã:* *(Alphanumeric 35)*		Country Sub Division/*Tỉnh,TP trực thuộc T.Ư:* *(Alphanumeric 35)*		
CREDITOR AGENT'S BRANCH NAME/CODE *(Tên chi nhánh/ Mã của NH người thụ hưởng)*	(Required for remittance to Japan/*Cần điền khi chuyển tiền tới Nhật Bản)* *(Alphanumeric 35)*				
CLEARING SYSTEM IDENTIFICATION CODE *(Mã hệ thống t/toán bù trừ)* *(Alphanumeric 5)*		**MEMBER ID** *(Mã định danh hệ thống t/toán bù trừ)*		**LEI** *(Mã LEI)* *(Alphanumeric 20)*	
INSTRUCTION FOR CREDITOR AGENT *(Chỉ thị cho NH thụ hưởng)* *(Alphanumeric 140)*					

INTERMEDIARY AGENT *(NH trung gian)*	***Please input either (1) or (2)*** */Vui lòng chỉ nhập (1) hoặc (2)*
☐ **(1) BIC/SWIFT CODE** *(Mã SWIFT)* *(Alphanumeric 11)*	
☐ **(2) NAME & ADDRESS** *(Tên và địa chỉ)* *(Alphanumeric 140)*	

MESSAGE TO CREDITOR * *(Thông tin cho người thụ hưởng)*	PURPOSE CODE/*Mã mục đích:* *(Alphanumeric 4)*
	REMITTANCE INFORMATION/*Thông tin chuyển tiền:* *(Alphanumeric 140)*
INSTRUCTION FOR DEBTOR AGENT *(Chỉ thị cho NH chuyển tiền)* *(Alphanumeric 140)*	

CHARGE BEARER * *(Chi tiết phí)*	☐ CRED	Creditor bears all banks' charges include Remitting Bank's charges *Người thụ hưởng chịu tất cả các loại phí, bao gồm cả phí của Ngân H àng Chuyển Tiền*
	☐ SHAR	Debtor bears Remitting Bank's charges only *Người chuyển tiền chỉ chịu phí của Ngân H àng Chuyển Tiền*
	☐ DEBT	Debtor bears all banks' charges *Người chuyển tiền chịu tất cả các loại phí*
	Even if DEBT box is checked, some foreign banks will still charge the creditor based on their bank rules *Ngay cả khi ô DEBT được chọn, một số ngân hàng nước ngoài vẫn sẽ tính phí đối với người thụ hưởng dựa theo các quy định ngân hàng của mình*	
DEBIT CHARGE ACCOUNT NO.* (SHAR or DEBT Only) *(Số TK trích nợ số tiền phí (chỉ điền khi chọn SHAR hoặc DEBT))*		

Note: * is mandatory to input/ *Lưu ý: * là trường thông tin bắt buộc*

ULTIMATE DEBTOR *(Người chỉ thị thanh toán đầu tiên)*	**Name**/*Tên *:* *(Alphanumeric 140)*	
	Country/*Quốc gia *:* *(Alphanumeric 35)*	Department/*Phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)*
		Sub Department/*Đơn vị trực thuộc phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)*
	Street Name/*Tên phố:* *(Alphanumeric 70)*	
	Buiding No/*Số tòa nhà:* *(Alphanumeric 16)*	Building Name/*Tên tòa nhà:* *(Alphanumeric 35)*
	Floor/*Số tầng:* *(Alphanumeric 70)*	Post Box/*Mã hòm thư:* *(Alphanumeric 16)*
	Room/*Số phòng :* *(Alphanumeric 70)*	Post Code/*Mã bưu chính:* *(Alphanumeric 16)*
	Town Name/*Phường, xã, thị trấn*:* *(Alphanumeric 35)*	Town Location Name/*Thôn, xóm:* *(Alphanumeric 35)*
	District Name/*Quận,huyện, thị xã:* *(Alphanumeric 35)*	Country Sub Division/*Tỉnh,TP trực thuộc T.Ư:* *(Alphanumeric 35)*
	LEI/*Mã LEI:* *(Alphanumeric 20)*	Country of residence (If applicable)/ *Tên quốc gia thường trú (nếu có):* *(Alphanumeric 35)*

ULTIMATE CREDITOR *(Người thụ hưởng cuối cùng)*	**Name**/*Tên *:* *(Alphanumeric 140)*	
	Country/*Quốc gia *:* *(Alphanumeric 35)*	Department/*Phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)*
		Sub Department/*Đơn vị trực thuộc phòng, ban, ngành:* *(Alphanumeric 70)*
	Street Name/*Tên phố:* *(Alphanumeric 70)*	
	Buiding No/*Số tòa nhà:* *(Alphanumeric 16)*	Building Name/*Tên tòa nhà:* *(Alphanumeric 35)*
	Floor/*Số tầng:* *(Alphanumeric 70)*	Post Box/*Mã hòm thư:* *(Alphanumeric 16)*
	Room/*Số phòng :* *(Alphanumeric 70)*	Post Code/*Mã bưu chính:* *(Alphanumeric 16)*
	Town Name/*Phường, xã, thị trấn*:* *(Alphanumeric 35)*	Town Location Name/*Thôn, xóm:* *(Alphanumeric 35)*
	District Name/*Quận,huyện, thị xã:* *(Alphanumeric 35)*	Country Sub Division/*Tỉnh,TP trực thuộc T.Ư:* *(Alphanumeric 35)*
	LEI/*Mã LEI:* *(Alphanumeric 20)*	Country of residence (If applicable)/ *Tên quốc gia thường trú (nếu có):* *(Alphanumeric 35)*

REGULATORY REPORTING 1 *(Báo cáo giao dịch theo quy định pháp luật 1)*	Reporting Indicator/*Bên nhận báo cáo* ☐ Debit/*Bên chuyển tiền* ☐ Credit/*Bên thụ hưởng* ☐ Both/*Cả hai*		
	Authority/*Cơ quan thẩm quyền*		
	Name/*Tên:* *(Alphanumeric 140)*	Country/*Quốc gia:*	
	Details/*Chi tiết*		
	Type/*Loại:* *(Alphanumeric 35)*	Date/*Ngày tháng:*	Country/*Quốc gia:*
	Code/*Mã:* *(Alphanumeric 10)*	XML Attribute CCY/*Loại tiền:*	Amount/*Số tiền:*
	Information/*Thông tin khác:* *(Alphanumeric 35) x10 lines*		

Note: * is mandatory to input/ *Lưu ý: * là trường thông tin bắt buộc*

REGULATORY REPORTING 2 *(Báo cáo giao dịch theo quy định pháp luật 2)*	Reporting Indicator/*Bên nhận báo cáo* ☐ Debit/*Bên chuyển tiền* ☐ Credit/*Bên thụ hưởng* ☐ Both/*Cả hai*		
	Authority/*Cơ quan thẩm quyền*		
	Name/*Tên:* *(Alphanumeric 140)*	Country/*Quốc gia:*	
	Details/*Chi tiết*		
	Type/*Loại:* *(Alphanumeric 35)*	Date/*Ngày tháng:*	Country/*Quốc gia:*
	Code/*Mã:* *(Alphanumeric 10)*	XML Attribute CCY/*Loại tiền:*	Amount/*Số tiền:*
	Information/*Thông tin khác:* *(Alphanumeric 35) x10 lines*		

REGULATORY REPORTING 3 *(Báo cáo giao dịch theo quy định pháp luật 3)*	Reporting Indicator/*Bên nhận báo cáo* ☐ Debit/*Bên chuyển tiền* ☐ Credit/*Bên thụ hưởng* ☐ Both/*Cả hai*		
	Authority/*Cơ quan thẩm quyền*		
	Name/*Tên:* *(Alphanumeric 140)*	Country/*Quốc gia:*	
	Details/*Chi tiết*		
	Type/*Loại:* *(Alphanumeric 35)*	Date/*Ngày tháng:*	Country/*Quốc gia:*
	Code/*Mã:* *(Alphanumeric 10)*	XML Attribute CCY/*Loại tiền:*	Amount/*Số tiền:*
	Information/*Thông tin khác:* *(Alphanumeric 35) x10 lines*		

1. I/ We commit this application respects all applicable laws and regulations including but not limited to regulations on foreign trade and foreign exchange controls of the socialist republic of Vietnam. I/ We absolve you from all claims whatsoever which may be made against you in respect of this request and from all responsibility in the events of wrong transmission and/ or delay in transmission and payment, of any other consequences arising from causes beyond your control.
2. In some circumstances that my/ our cancellation of remittance is accepted by you, I/ we shall be liable for all costs and expenses, incurred by you and/ or your correspondents in giving effect to the cancellation and such costs and expenses shall be deducted from the amount to be refunded to me/ us (or be calculated at your then current buying rate for the currency of the relevant remittance at the time of refund).
3. All other costs, expenses and charges arising from the above are to be borne by me/ us.

1.Tôi/Chúng tôi cam kết lệnh chuyển tiền này tuân thủ mọi quy định của pháp luật áp dụng đối với giao dịch chuyển tiền này bao gồm nhưng không giới hạn ở quy định quản lý ngoại thương và ngoại hối của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tôi/Chúng tôi miễn cho Ngân hàng khỏi bất kỳ một khiếu nại nào có thể phát sinh đối với Ngân hàng liên quan đến lệnh chuyển tiền này và Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp chuyển sai và/hoặc chậm chuyển và/hoặc chậm thanh toán do các nguyên nhân không thuộc khả năng kiểm soát của Ngân hàng.
2. Trong một số trường hợp khi việc hủy lệnh chuyển tiền của Tôi/Chúng tôi được Ngân hàng chấp nhận, Tôi/Chúng tôi sẽ chịu toàn bộ chi phí mà Ngân hàng và các đơn vị thanh toán trung gian liên quan đến việc hủy lệnh chuyển tiền này phải gánh chịu và tất cả các khoản chi phí này sẽ được khấu trừ vào số tiền được trả lại cho Tôi/Chúng tôi (hoặc sẽ được tính theo tỷ giá mua vào đối với ngoại tệ của lệnh chuyển tiền của Ngân hàng vào thời điểm số tiền được trả lại).
3. Mọi chi phí khác phát sinh từ các điều khoản nêu trên đều do Tôi/Chúng tôi chịu.

Account Name/Debtor Name * *(Tên tài khoản/Tên người chuyển tiền)*	**Authorised Signature (s)/** *((Các) Chữ ký thẩm quyền)* * **Corporate seal if any/** *(Dấu công ty nếu có)* *
Tel: *(ĐT):* Contact Person: *(Người liên hệ):*	

FOR BANK'S USE ONLY/*PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG*

CALLED THE REGISTERED NUMBER AND CONFIRMED	**Cust Abbr:**	
1. Value date:	**FX Ref** - *if any:*	
2. Date / Time:		
3. With Mr. / Ms. :		
4. Other info - *if any*		
5. PV Info-*if any:*	**MADE**	**APPROVED**
* PV No.:		
* Expected completion date:		
* Execution date (if # confirmed date):		
6. Confirmed by:		

FOR RECEPTION		
APPROVED	**CHECKED**	**SIGNATURE VERIFIED**

FOR PO & BOOKING			
APPROVED		**CHECKED**	**MADE**
PO	**BOOKING**		

Note: * is mandatory to input/ *Lưu ý: * là trường thông tin bắt buộc*